

# QP1680 TOC/TN<sub>b</sub> Máy phân tích phòng thí nghiệm nhiệt độ cao



## Máy phân tích QP1680 đo tổng lượng Carbon hữu cơ (TOC) và tổng Nitơ (TN<sub>b</sub>) chỉ trong một mẫu duy nhất.

QP1680 có thể sử dụng như một máy phân tích kết hợp TOC và TN<sub>b</sub> hoặc lựa chọn phân tích riêng biệt các thông số TOC hoặc TN<sub>b</sub>.

Những đặc điểm nổi bật bao gồm:

- Hệ thống tiêm mẫu trực tiếp giúp loại bỏ tiếp xúc của mẫu với các van và ống tiêm tích hợp, hạn chế tối đa nguy cơ lẫn mẫu giữa các lần đo.
- Ống hút mẫu đường kính lớn có thể xử lý các hạt có kích thước lên đến 800 µm, mở rộng phạm vi ứng dụng và giảm thiểu hiện tượng tắc nghẽn.
- Bộ khuấy tích hợp cho từng vị trí mẫu giúp đồng nhất mẫu chứa hạt trước khi tiêm.
- Thiết kế nhỏ gọn với khay tự động 65 vị trí tiết kiệm không gian trong phòng thí nghiệm (có thể lựa chọn khay tự động 96 vị trí).
- Phần mềm trực quan hỗ trợ vận hành đơn giản, phân tích dữ liệu và chẩn đoán hệ thống dễ dàng.

## Thông số kỹ thuật\*

| Mẫu mã                             | QP1680-TOC  | QP1680-TOC/TN <sub>b</sub>   | QP1680-TN <sub>b</sub> |
|------------------------------------|---|--|------------------------|
| Thông số                           | TOC   | TOC, TN <sub>b</sub>   | TN <sub>b</sub>        |
| Phương pháp oxy hóa                | Đốt xúc tác ở 680 °C  | Đốt xúc tác ở 720 °C   | Đốt xúc tác ở 720 °C   |
| Phương pháp đo                     | NDIR<br>(Phát hiện hồng ngoại không phân tán)   | TOC: NDIR<br>(Phát hiện hồng ngoại không phân tán)<br>TN: Hóa phát quang | Hóa phát quang         |
| Thời gian phân tích                | Khoảng 3 phút   | Khoảng 4 phút  | Khoảng 3 phút          |
| Lượng khí sử dụng                  | 200 mL/phút*  | 250 mL/phút**  | 200 mL/phút            |
|                                    |   | <i>**Chuẩn bị mẫu để xác định NPOC cần thêm 300 mL/phút.</i>             |                        |
| Quy cách khí sử dụng               | Oxy hoặc khí tổng hợp: tối thiểu 99,998% (4.8) ở 3 - 10 bar   |  |                        |
| Nhiệt độ                           | Nhiệt độ lò tối đa 1050 °C (tùy theo cấu hình)  |  |                        |
| Khoảng đo                          | TC, TIC, NPOC, TN <sub>b</sub> : 0 - 30000 mg/L   |  |                        |
| Giới hạn phát hiện thấp nhất (LOD) | TC, TIC, NPOC: 50 µg/L<br>TN <sub>b</sub> : 20 µg/L   |  |                        |
| Độ lặp lại                         | Lên đến 10 mg/L TC, TIC, NPOC, TN: < 5%<br>> 10 mg/L TC, TIC, NPOC, TN: < 2%  |  |                        |
| Thê tích mẫu                       | 10 - 1000 µL  |  |                        |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh     | -20 đến 60 °C   |  |                        |
| Điều kiện vận hành                 | 20 đến 30 °C; độ ẩm tương đối 20 – 80% (không ngưng tụ)   |  |                        |
| Mức độ ô nhiễm                     | 2   |  |                        |
| Tiêu chuẩn và quy định             | TOC / NPOC: ASTM D7573, EN 1484, EPA 415.1, EPA 9060A, ISO 8245, SM 5310B, NEN-ISO 20236<br>TN <sub>b</sub> : ASTM D8083, EN 12260, ISO 11905-2, NEN-ISO 20236                                  |  |                        |
| Nguồn điện                         | Thiết bị phân tích: 100 – 240 VAC, 50/60 Hz, 16 A, có nối đất bảo vệ<br>vệ PC: 100 – 240 VAC, 50/60 Hz, 1.6 A, có nối đất bảo vệ<br>Màn hình: 100 – 240 VAC, 50/60 Hz, 1.6 A, có nối đất bảo vệ |  |                        |
| Công suất                          | Thiết bị phân tích: tối đa 750 W<br>PC: tối đa 90 W<br>Màn hình: tối đa 100 W   |  |                        |
| Kích thước                         | 440 mm x 380 mm x 700 mm (C x R x S)  |  |                        |

\*Thông số có thể thay đổi mà không cần báo trước.

## Thông tin đặt hàng

### Thiết bị phân tích

- LPV448.99.00001** Máy phân tích TOC nhiệt độ cao QP1680, kèm bộ lấy mẫu tự động, 65 vị trí
- LPV448.99.00501** Máy phân tích TOC nhiệt độ cao QP1680, kèm bộ lấy mẫu tự động, 96 vị trí
- LPV448.99.01001** Máy phân tích TOC/TN nhiệt độ cao QP1680b, kèm bộ lấy mẫu tự động, 65 vị trí
- LPV448.99.01501** Máy phân tích TOC/TN nhiệt độ cao QP1680b, kèm bộ lấy mẫu tự động, 96 vị trí
- LPV448.99.02001** Máy phân tích TN nhiệt độ cao QP1680b, kèm bộ lấy mẫu tự động, 65 vị trí
- LPV448.99.02501** Máy phân tích TN nhiệt độ cao QP1680b, kèm bộ lấy mẫu tự động, 96 vị trí



### Vật tư tiêu hao & Phụ tùng thay thế

- SMKIT500000** Bộ khởi động QP1680 TOC/TN<sub>b</sub>
- SMKIT501000** Bộ vật tư tiêu hao QP1680, 2500 mẫu phân tích
- SMKIT501100** Bộ vật tư tiêu hao QP1680, 5000 mẫu phân tích
- SMKIT501200** Bộ dụng cụ tiêu hao QP1680, phân tích 10.000 mẫu
- SMSYS503000** Module phân tích chất rắn cho máy QP1680 TOC/TN<sub>b</sub> Analyzer
- SMKIT503000** Bộ khởi động module chất rắn cho QP1680 TOC/TN<sub>b</sub>



### Máy tính

- SMCOM100700** Mã bản quyền LIMS cho phần mềm TEIS

### Dịch vụ Hach bảo vệ khoản đầu tư của bạn

Khi sử dụng dịch vụ Hach, bạn sẽ có người bạn đồng hành toàn cầu hiểu rõ nhu cầu và tận tâm mang đến dịch vụ chất lượng cao, đúng thời gian mà bạn có thể tin tưởng. Đội ngũ dịch vụ của chúng tôi có chuyên môn riêng biệt giúp bạn tối ưu thời gian hoạt động của thiết bị, đảm bảo độ chính xác của dữ liệu, duy trì ổn định vận hành và giảm rủi ro về tuân thủ.

### Trụ sở toàn cầu Hach: Loveland, Colorado, Hoa Kỳ

Hoa Kỳ: Ngoài Hoa Kỳ:hach.com

800-227-4224 (điện thoại)  
970-669-3050 (điện thoại)

970-669-2932 (fax)  
970-461-3939 (fax)

orders@hach.com  
intl@hach.com

In U.S.A.

©Công ty Hach, 2024. Đã đăng ký bản quyền.

Để nâng cao và cập nhật thiết bị, Công ty Hach có quyền thay đổi thông số kỹ thuật của sản phẩm bất cứ lúc nào.



Be Right™